

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2026/DS-ST
Ngày 04- 02- 2026
V/v *Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hương Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thành Lâm**

Ông **Phạm Minh Hoan**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thúy Minh** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà **Văn Đoàn Vân Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2025/TLST- DS ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2026/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2026/QĐST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1963

Địa chỉ: Khu 4, xã H, tỉnh P.

Bị đơn: Anh **Ngô Văn T**, sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu 2, xã H, tỉnh P.

(Ông N có đơn xin xét xử vắng mặt và anh T vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ngày 16/8/2016, anh T vay ông N số tiền là 10.000.000 đồng. Anh T có để lại cho ông mượn 01 chiếc xe máy nói là một tháng sau trả tiền thì lấy lại xe; Ngày 05/12/2016, anh T vay ông N số tiền là 20.000.000 đồng; Ngày 03/7/2017, anh T vay ông N số tiền là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền anh T vay là 40.000.000 đồng. Đến nay anh T vẫn cố tình không trả cho ông N số tiền đã vay dù ông đã đòi rất nhiều lần và chiếc xe máy vẫn để ở nhà ông. Nay ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh T trả lại cho ông số tiền gốc là 40.000.000 đồng và không đề nghị tính lãi đối với số tiền này. Đối với chiếc xe ông đang giữ của anh T, ông sẽ trả lại cho anh T.

Bị đơn là anh Ngô Văn T trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 21 tháng 11 năm 2025: Ngày 16/8/2016, anh có vay ông N số tiền là 10.000.000 đồng; Ngày

05/12/2016, anh vay ông N số tiền là 20.000.000 đồng; Ngày 03/7/2017 anh vay ông N số tiền là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền anh đã vay là 40.000.000 đồng. Vào khoảng năm 2018 hoặc 2019, anh đã trả cho ông N bằng tiền mặt và các sản phẩm đồ gỗ do anh tự làm. Cụ thể tiền và các món đồ được quy đổi thành tiền như sau:

- Tiền mặt: Đã trả 17.000.000 đồng.
- 01 kệ tivi bằng gỗ xoan trị giá 7.000.000 đồng.
- 01 tủ áo bằng gỗ xoan trị giá 4.000.000 đồng.
- 01 giường gỗ (1,6m) trị giá 3.500.000 đồng.
- 01 giường gỗ (1,8m) làm cho con trai ông N trị giá 3.500.000 đồng.
- Tiền sơn lại một bộ bàn ghế gỗ mít của nhà ông N trị giá 1.500.000 đồng.
- Lấy gỗ ván đóng giường trị giá 1.000.000 đồng.

Tổng cộng giá trị tiền mặt và đồ gỗ anh tính toán đã trả được cho ông N số tiền là 37.500.000 đồng.

Ngoài số đồ gỗ nêu trên, anh đã để lại cho ông N 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Click mà anh mua lại của 01 người ở Hà Giang trị giá 16.000.000 đồng. Khi mua có giấy đăng ký xe của người đó để lại. Anh đi chiếc xe này được khoảng 01 tháng sau đó đưa cho ông N giữ.

Anh cũng thừa nhận chữ ký và chữ viết trong giấy vay tiền là của anh. Tổng số tiền anh vay ông N là 40.000.000 đồng và đã trả được 37.500.000 đồng. Khi anh trả tiền và giao đồ gỗ, giữa hai bên không lập bất kỳ giấy tờ gì. Do đó, anh đề nghị Tòa án không giải quyết vụ án vì cho rằng mình đã trả được 37.500.000 đồng cộng thêm 01 chiếc xe máy Click anh không lấy về nữa.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Phú Thọ tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463; Điều 466 và Điều 469 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N: Buộc bị đơn anh Ngô Văn T có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn N tổng số tiền 40.000.000 đồng, anh T không phải trả lãi do ông N tự nguyện không yêu cầu.

Ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ trả lại chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Click biển số 23B1- 013.12 cho anh Ngô Văn T.

Về án phí: Anh Ngô Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Văn N khởi kiện anh Ngô Văn T yêu cầu anh T trả cho ông số tiền 40.000.000 đồng theo giấy vay tiền do anh T đã viết tay. Do đó đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn hiện có hộ khẩu thường trú tại khu 2, xã H, tỉnh P nên căn cứ Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Phú Thọ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh Ngô Văn T vắng mặt tại phiên tòa (không có đơn xét xử vắng mặt), ông Nguyễn Văn N vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông N và anh T là phù hợp pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Về số tiền gốc: Anh Ngô Văn T thừa nhận anh có nợ số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) của ông Nguyễn Văn N. Khi vay thì anh có viết giấy vay:

Ngày 16/8/2016 vay 10.000.000đ (Mười triệu đồng);

Ngày 05/12/2016 vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng);

Ngày 03/7/2017 vay 10.000.000đ (Mười triệu đồng);

Tổng cả ba lần vay là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

Anh T thừa nhận chữ ký và chữ viết trong giấy vay tiền với ông N là của anh. Tổng số tiền anh vay ông N là 40.000.000 đồng nhưng anh đã trả được 37.500.000 đồng gồm tiền mặt và các sản phẩm đồ gỗ do anh tự làm được quy đổi thành tiền như sau: Tiền mặt 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng); 01 kệ ti vi bằng gỗ soan trị giá 7.000.000đ (Bảy triệu đồng); 01 tủ áo gỗ soan trị giá 4.000.000đ (Bốn triệu đồng); 01 giường 1,6m trị giá 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng); Sơn lại cho ông N 01 bộ bàn ghế gỗ mít của nhà ông N trị giá 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng); ông N lấy gỗ ván đóng giường trị giá 1.000.000đ (Một triệu đồng); 01 giường cưới của con trai ông N giường gỗ xoan 1,8m trị giá 3.500.000đ (Ba triệu năm nghìn đồng). Ngoài ra anh T còn cho rằng từ năm 2016 anh để lại cho ông N đăng ký mô tô, xe máy và chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA – CLICK tên chủ xe Nguyễn Thị Hồng H biển số đăng ký 23B1 – 013.12 (anh mua lại của một người trên Hà Giang khi mua là 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng), anh mới mua được 1 tháng xong sau đó anh đem xuống đưa cho ông N chiếc xe đó để lấy tiền vay như trong giấy vay tiền trên. Tuy nhiên, anh T không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc anh đã trả số tiền 37.500.000 đồng khi anh trả tiền và giao đồ gỗ cho ông N cùng giấy tờ về chiếc xe máy. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra Quyết định

yêu cầu anh cung cấp tài liệu, chứng cứ anh T cũng không cung cấp được cho Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận cho anh khoản tiền anh đã trả cho ông N là 37.500.000đ (Ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Về chiếc xe máy anh để lại nhà ông N thì ông N đề nghị trả lại chiếc xe máy cho anh. Hội đồng xét xử xét thấy việc anh vay tiền của ông N anh để lại chiếc xe máy làm tin chứ không có bất kỳ một giấy tờ gì về việc mua bán, ông N cũng khai rằng đối với chiếc xe máy là việc cho mượn giữa ông với anh T không liên quan gì đến việc vay tiền, ông tự nguyện trả lại xe máy cho anh T.

Về lãi suất: Tại đơn khởi kiện ông N đề nghị anh T phải trả số tiền lãi của 8 năm là $5\% \times 2.000.000\text{đ} = 16.000.000\text{đ}$ (Mười sáu triệu đồng). Quá trình giải quyết vụ án ông N không yêu cầu tính tiền lãi, chỉ đề nghị anh T trả số tiền gốc là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Từ những nhận định trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Đây là vụ án dân sự tranh chấp có giá ngạch. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Phú Thọ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N:

Buộc bị đơn anh Ngô Văn Tuyên có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn N tổng số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), anh T không phải trả lãi do ông N tự nguyện không yêu cầu.

Ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ trả lại chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Click biển số 23B1-013.12 cho anh Ngô Văn T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Ngô Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND Khu vực 4 – Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Hương Thủy

